

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 617/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 594/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; **Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.**

Người được chị X ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Anh Vũ Quang D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Vũ Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi, nguyên nhân do tính cách không hợp

nhau, quan điểm sống bất đồng. Do điều kiện kinh tế nên năm 2018 chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng do mâu thuẫn nên vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Quang D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Quang H, sinh ngày 11/12/2009 và Vũ Quang T, sinh ngày 28/5/2011, hiện các con đang ở với anh D. Chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị và anh D tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị X đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai, anh Vũ Quang D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X có quan hệ hôn nhân như chị X trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh chị cùng nhau đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, do tính chất công việc nên anh chị không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau. Hết hạn hợp đồng năm 2018 anh về nước ở hẳn, còn chị X vẫn ở lại Đài Loan làm việc cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng do khoảng cách về địa lý nên anh chị ít liên lạc với nhau hơn, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị X trình bày là đúng, anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Quang H và Vũ Quang T cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị X, anh D là cháu Vũ Quang H và Vũ Quang T cùng có nguyện vọng được ở với anh D.

Người được chị X ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị X, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị X biết, chị Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Vũ Quang D; về con chung: Giao cho anh Vũ Quang D tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vũ Quang H và Vũ Quang T cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; chị X phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; bị đơn anh Vũ Quang D hiện đang sinh sống ở thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị X không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã có đơn xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ thay chị giao, nộp tại Tòa án. Các tài liệu của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2009 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, xác định được giữa chị X và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không thể hòa hợp được, vợ chồng không có tiếng nói chung. Thời gian ở Đài Loan vợ chồng không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn. Mặc dù anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện, xử cho chị X được ly hôn anh D là phù hợp với điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị X và anh D là Vũ Quang H và Vũ Quang T hiện đang ở với anh D. Chị X và anh D thống nhất giao con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), anh D tự nguyện không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của chị X và anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung Vũ Quang H và Vũ Quang T cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, xử cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Vũ Quang D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Vũ Quang D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Quang H, sinh ngày 11/12/2009 và Vũ Quang T, sinh ngày 28/5/2011 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005345 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Văn Đ nộp thay). Chị X đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh Vũ Quang D được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu